TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/01/2021
"V/v tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn; yêu cầu trích chia công sức đóng góp và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.
Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ÔngLương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 04/01/2021 và ngày 22/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số77/2018/TLST-HNGĐngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn; yêu cầu trích chia công sức đóng góp và hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 106/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 565/2020/TB-ST ngày 09/11/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 617/2020/TB-ST ngày 07/12/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 122/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021,giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Th, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn XT, xã XP,

huyện YD, tỉnh BG.(Hiện đang lao động tại Đài Loan). Xin vắng mặt.

* Người đại diện theo ủy quyềngiao nộp đơn từ tài liệu, giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị Th: Ông Đồng Duy Ch, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư ĐT và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số 296, đường LHP 4, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

* **Bị đơn:** Anh Trương Quang Q, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trương Quang Q: Ông Hà Đình T, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH TQ, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: thôn LT, thị trấn TD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

*** Người có quyền có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Bà Nguyễn Thị Ng – sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG (mẹ anh Trương Quang Q). Có mặt tại phiên tòa ngày 04/01/2021, xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/01/2021.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Phương H– sinh năm 1979. Địa chỉThôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG (là vợ của anh Q). Xin vắng mặt.

2. Chị Trương Thị O - sinh năm 1994. Địa chỉ:Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Xin vắng mặt.

3. Cháu Trương Thị Ngọc H- sinh năm 2009. Do anh Trương Quang Q là bố đẻ đại diện hợp pháp. Địa chỉ:Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Có mặt.

4. Ông Giáp Văn T – sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Xin vắng mặt.

5. UBND xã XP, huyện YD. Do ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã, đại diện theo pháp luật.Xin vắng mặt.

6. UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Do ông Bùi Quang H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện, đại diện theo pháp luật. Bà Phòng Thị Ng, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện tham gia tố tụng.Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Th trình bày:*

Chị và anh Trương Quang Q kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XP, huyện YD. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn. Tại quyết định số 09/2016/QĐST-

HNGĐ ngày 13/01/2016 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đã quyết định việc thuận tình ly hôn giữa chị và anh Trương Quang Q. Về con chung giao cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 20/12/2009 cho anh Q nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng có thỏa thuận làm văn bản cho con tài sản nhưng nên yêu cầu giải quyết phân chia cụ thể.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 20/12/2009 cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi giá trị tài sản chung, cụ thể như sau: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tài sản là diện tích đất 768m2 (trong đó có 360m2 đất ở, 426m2 đất trồng cây lâu năm)thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 9, tại Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG đã được UBND huyện YD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đay viết tắt là GCNQSDĐ) số 01681/QSDĐ-444/QĐ-CT ngày 28/11/2000 trị giá khoảng 400.000.000 đồng. Tài sản trên đất gồm ngôi nhà 2 tầng kiên cố trị giá 400.000.000 đồng, tường bao trị giá 30.000.000 đồng. Đất nông nghiệp canh tác có 10 thửa ruộng có tổng diện tích 1.453m2 giá trị khoảng 60.000.000 đồng.

Do đang ở nước ngoài nên chị xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Chị cũng ủy quyền cho ông Đồng Duy Ch, luật sư thuộc Văn phòng luật sư ĐT và cộng sự đại diện giao nộp đơn từ, nhận các văn bản tố tụng và bảo vệ quyền lợi ích cho chị trong quá trình giải quyết vụ án.

** Bị đơn là anh Trương Quang Q tại các bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị Th kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XP, huyện YD. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn. Tại quyết định số 09/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2016 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đã quyết định việc thuận tình ly hôn giữa anh và chị Th. Về con chung Tòa án giao cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 20/12/2009 cho anh nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng có thỏa thuận làm văn bản chị Th để lại phần tài sản của chị là 469m2 đất (có 360m2 đất ở và 109m2 đất vườn) được UBND huyện YD cấp GCNQSDĐ số 01681/QSDĐ-444/QĐ-CT ngày 28/11/2000 cho các con Trương Thị O, Trương Thị Ngọc H. Văn bản có chữ ký của anh và chị Th, xác nhận của trưởng thôn XT, UBND xã XP.

- Về yêu cầu khởi kiện của chị Th thì anh không đồng ý.Cụ thể:
- Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là cháu Trương Thị Ngọc H – sinh ngày 20/12/2009. Hiện nay cháu H đang ở với tôi, cháu học lớp 5 tại trường

tiểu học xã Xuân Phú. Chị Th đề nghị được nuôi con chung là cháu H thì tôi không đồng ý.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Th đề nghị chia tài sản chung gồm: Đất ở, đất trồng cây lâu năm, tổng diện tích 786m2 thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 9; nhà 02 tầng, tường bao, đất canh tác 1.453m2 thì tôi không đồng ý. Vì chúng tôi đã có giấy thỏa thuận với nhau khi giải quyết ly hôn cụ thể là đơn xin xác nhận đề ngày 05/01/2016 có xác nhận của UBND xã XP.

- Sau khi ly hôn chị Th thì anh không phát triển tài sản gì mới, anh có khoan 01 giếng và xây 01 bể lọc. Cánh cửa sổ bị hỏng có tu sửa thêm.Giữa năm 2016 thì anh kết hôn với chị Phạm Phương H– sinh năm 1979. Địa chỉ Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Các tài sản mới phát sinh thì không có công sức đóng góp gì của chị Phạm Phương H.

- Nay anh đề nghị Tòa án đưa 02 con chung là cháu Trương Thị O - sinh năm 1994, cháu Trương Thị Ngọc H- sinh năm 2009 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Khi anh xây ngôi nhà 02 tầng thì mẹ anh là bà Nguyễn Thị Ng có đưa cho vay số tiền 80.000.000 đồng để làm nhà (trong đó cho 40.000.000 đồng và vay 40.000.000 đồng). Khi đó chị Th đi nước ngoài không có nhà. Về số tiền mẹ anh cho vay thì chị Th không biết. Anh đề nghị Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Ng – sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho bà.

- Về diện tích 1455m2 đất nông nghiệp anh đã bán 02 sào cho ông Giáp Văn T – sinh năm 1961. Địa chỉ: thôn Xuân Trung, xã XP, huyện YD, tỉnh Bắc Giang năm 2013 khi bán chỉ có giấy tờ viết tay giữa anh và ông T, trên thực tế anh đã bàn giao đất cho ông T sử dụng. Hiện nay ông T đang quản lý gần như 1 nửa phần diện tích 1455m2 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án thì triệu tập ông T vào tham gia tố tụng. khi đó anh bán với giá 15 triệu đồng. Số tiền này anh dùng chi phí sinh hoạt chung trong gia đình chủ yếu là 3 bố con vì chị Th đi nước ngoài không gửi tiền về.Diện tích đất này nếu phải chia thì còn bao nhiêu thì chia bấy nhiêu, còn phần đất đã bán anh đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Trường hợp phải chia tài sản chung thì anh đề nghị được chia làm 04 phần cho anh, chị Th, cháu O và cháu H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị O trình bày:*Chị là con của ông Trương Quang Q, bà Phạm Thị Th. Trước đây bố, mẹ chị ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng. Trong quá trình giải quyết mẹ chị có viết giấy để lại ½ tài sản thuộc sở hữu của mẹ cho 2 chị em. Sau này chị cũng chỉ nghe mẹ

nói lại như vậy nhưng thực tế gồm những tài sản gì, giá trị bao nhiêu, ở đâu thì chị không biết và bố mẹ cũng chưa giao cho chị tài sản đó. Những tài sản đó vẫn thuộc quyền sở hữu chung của bố mẹ. Nay chị đã trưởng thành có thể lo được cuộc sống của bản thân nên không nhận những tài sản đó. Chị khẳng định tài sản là của bố mẹ và đề nghị Tòa án phân chia tài sản cho bố, mẹ chị theo pháp luật. Chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Trương Thị Ngọc H trình bày:*Cháu là con của ông Trương Quang Q, bà Phạm Thị Th. Trước đây bố, mẹ cháu ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng và cháu được ở với bố. Sau khi ly hôn thì cháu vẫn ở với bố cho đến nay và được bố quan tâm chăm sóc cuộc sống đầy đủ. Nay mẹ cháu khởi kiện muốn nuôi cháu thì nguyện vọng của cháu là muốn được tiếp tục ở với bố.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Ng trình bày:*

- Về nguồn gốc đất ở là do vợ chồng bà cho vợ chồng anh Q khi ra ở riêng năm 1993. Bà có yêu cầu đòi lại đất nhưng sau khi nghe Tòa án giải thích cho bà về việc yêu cầu trả lại đất của chị Th, anh Q đã có GCNQSDĐ cấp năm 2000 thì hiện nay bà không đòi đất nữa nhưng bà xác định có công chăm sóc, tôn tạo và duy trì khối tài sản này nên bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà công sức bằng 1/3 trị giá tài sản.

- Khi anh Q, chị Th làm nhà bà có đưa cho anh Q vay số tiền 80 triệu đồng. Nay anh chị ly hôn và chia tài sản thì bà yêu cầu anh, chị phải trả lại cho bà số tiền 80 triệu đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Giáp Văn T trình bày:*Tôi là chú rể của anh Q, năm 2013 tôi có nhận chuyển nhượng 2 sào đất nông nghiệp của anh Q ở khu đồng Bún với số tiền là 15 triệu đồng. Chúng tôi chỉ viết giấy tay với nhau, khi đó chị Th không có nhà nên không có chữ ký trong giấy chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng chị Th đã đi nước ngoài nên không biết, sau này về nước chị Th có biết và đòi ruộng. Việc tôi mua bán với anh Q đã xong. Việc anh Q, chị Th phân chia tài sản chung thì tôi không liên quan gì. Tôi xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Phương H trình bày:*Chị kết hôn và về chung sống với anh Trương Quang Q từ giữa năm 2016. Trong thời gian chung sống cùng anh Q thì chị có công tôn tạo sửa chữa hai bộ cánh cửa sổ, cửa phòng, giếng khoan, bể lọc trị giá khoảng 13 triệu đồng nhưng chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã XP, huyện YD trình*

bày:

- Đối với đất ở nông thôn: Năm 2000 hộ ông Trương Quang Q được UBND huyện YD cấp GCNQSDĐ tổng diện tích 469m2 trong đó có 360m2 đất ở, 109m2 đất vườn tại thôn XT.Năm 2008-2009 địa phương đo đạc bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, tổng diện tích 786m2.Đề nghị Tòa án giải quyết theo tổng diện tích 469m2 đã cấp GCNQSDĐ năm 2000; phần còn lại là quỹ đất công ích của tập thể (tại khu vực đó nuôi trồng thủy sản tập trung).

- Đối với đất canh tác trồng lúa: Năm 1998 hộ ông Trương Quang Q được cấp GCNQSDĐ nông nghiệp tổng diện tích 1574m2, cắt về khu nuôi trồng thủy sản 121m2, diện tích còn lại 1453m2. Năm 2015 thôn XT dồn điền đổi thửa, hộ ông Trương Quang Q được ban dồn điền đổi thửa thôn giao 1455m2 (tăng 2m2 so với diện tích cũ năm 1998). Đề nghị Tòa án giải quyết theo diện tích giao năm 2015 là 1.455m2.

- UBND xã XP xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang trình bày:*

- Đối với đất thổ cư: Năm 2000 hộ ông Trương Quang Q được UBND huyện YD cấp GCNQSDĐ tổng diện tích 469m2 trong đó có 360m2 đất ở, 109m2 đất vườn tại thôn XT.Năm 2008-2009 địa phương đo đạc bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, tổng diện tích 786m2. Diện tích tăng là so với GCNQSDĐ năm 2000 là phần diện tích đất công ích.

- Đối với đất nông nghiệp: Năm 1993 hộ ông Trương Quang Q được Nhà nước giao ruộng theo định suất để canh tác, sản xuất. Năm 1999UBND huyện YDcấp GCNQSDĐ số Q436439, số vào sổ cấp giấy 01182 với tổng diện tích 1574m2. Năm 2014 thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản tập trung, hộ ông Trương Quang Q thực hiện dự án 121m2, diện tích còn lại 1453m2. Năm 2015 thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, thôn XT thực hiện dồn đổi, hộ ông Trương Quang Q được dồn đổi và giao ruộng là 1455m2.

- Đề nghị TAND tỉnh giải quyết theo pháp luật. UBND huyện YD xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp theo yêu cầu củachị Th, kết quả:

- Về đất ở, đất vườn: thửa số 110, tờ bản đồ số 9, tại Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG hiện có tổng diện tích là 768m2.

- Về đất nông nghiệp đã dồn điền đổi thửa: hiện có tổng diện tích 1.455m2.

- Về giá trị tài sản: Quyền sử dụng đất ở có giá 500.000 đồng/ 1m2, đất vườn có

giá 55.000 đồng/ 1m2. Quyền sử dụng đất nông nghiệp có giá 55.000 đồng/ 1m2. Tài sản trên đất gồm ngôi nhà 2 tầng kiên cố trị giá 318.085.000 đồng, tường hoa trị giá 648.000 đồng, sân gạch trị giá 2.604.000 đồng, trụ cổng trị giá 1.426.000 đồng, cổng sắt trị giá 506.000 đồng, sân bê tông trị giá 1.550.400 đồng, tường bao trị giá 6.162.000 đồng.

* Tòa án không tiến hành hòa giải được việc giải quyết vụ án do chị Phạm Thị Th xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa ngày 04/01/2021:

- Chị Phạm Thị Th xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin giải quyết thay đổi người nuôi con chung, chia tài sản chung sau ly hôn.

- Anh Trương Quang Q trình bày:

+ Về con chung: Anh không chấp nhận việc thay đổi nuôi con chung vì con chung đang ở ổn định với anh, được anh quan tâm nuôi dưỡng chăm sóc đầy đủ. Chị Th đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi con được. Ngoài ra cháu H có nguyện vọng được ở với bố.

+ Về tài sản: Đề nghị giao toàn bộ tài sản đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp và tài sản công trình xây dựng trên đất cho anh được quản lý, sử dụng, sở hữu. Anh sẽ có trách nhiệm trích chia cho chị Th số tiền tổng cộng là 240.000.000 đồng.

+ Đối với phần đất ngoài GCNQSDĐ đã cấp thì nhất trí quan điểm của UBND xã XP, UBND huyện YD nêu.

+ Với tư cách đại diện cho cháu H nếu chị Th đồng ý thỏa thuận chia tài sản thì cháu H cũng nhất trí, không có yêu cầu gì.

+ Việc mua bán đất với ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh sẽ tự giải quyết với ông T sau.

- Bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Nếu chị Th, anh Q thỏa thuận phân chia tài sản như anh Q trình bày thì bà xin rút yêu cầu độc lập về việc đòi tiền cũng như chia công sức đóng góp đối với chị Th, anh Q.

- Người bảo vệ quyền lợi cho chị Th trình bày:

+ Về con chung: Đề nghị giao chấp nhận giao cháu H cho chị Th nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết

+ Về tài sản: đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Thchia đôi giá trị tài sản nhà, đất như đã định giá cho chị Th, anh Q.

+ Về quan điểm trích chia tài sản của anh Q cho chị Th thì cũng hợp lý so với khối tài sản chung, công sức đóng góp tạo lập của các bên. Tuy nhiên hiện chưa liên lạc được với chị Th nên không biết chị có đồng ý không. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) xem xét giải quyết theo pháp luật. Nếu có

thông tin gì mới về việc giải quyết vụ án sẽ thông báo, đề nghị lại với HĐXX ngay.

- Người bảo vệ quyền lợi cho anh Q trình bày:

+ Về việc thay đổi người nuôi con:không chấp nhận việc thay đổi nuôi con chung vì con chung đang ở ổn định với anh Q, được quan tâm nuôi dưỡng chăm sóc đầy đủ. Chị Th đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi con được. Ngoài ra cháu H có nguyện vọng được ở với bố.

+ Về tài sản: Đề nghị giao toàn bộ tài sản đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp và tài sản công trình xây dựng trên đất cho anh Q được quản lý, sử dụng, sở hữu. Chấp nhận việc anh Q tự nguyện trích chia cho chị Th số tiền tổng cộng là 240.000.000 đồng.

- Sau phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, HĐXX vào nghị án thì người bảo vệ quyền lợi của chị Th có quan điểm đề nghị HĐXX đã liên lạc được với chị Th, quan điểm của chị Th là đồng ý việc trích chia tài sản như ý kiến của anh Q nêu. Nếu anh Q thực hiện chuyển số tiền 240 triệu đồng cho chị theo tài khoản chị đăng ký tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang thì chị Th xin rút yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để chị Th gửi văn bản quan điểm về Tòa án. HĐXX đã quay lại phần hỏi tại phiên tòa và quyết định tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm do có tình tiết mới phát sinh có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa ngày 22/01/2021:

-Anh Trương Quang Q trình bày: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở phiên tòa trước. Anh đã chuyển số tiền 240 triệu đồng vào tài khoản do chị Th cung cấp và nộp cho Tòa án giấy tờ xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giangvề việc đã chuyển số tiền 240 triệu đồng cho chị Phạm Thị Th.

- Người bảo vệ quyền lợi và đại diện theo ủy quyền của chị Th về việc giao nhận đơn từ, văn bản tố tụng của chị Th cung cấp văn bản của chị Phạm Thị Thvề việc xin rút yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn; đồng ý giao cho anh Q được quản lý, sử dụng, sở hữu nhà, đất ở, đất vườn, đất canh tác và nhận số tiền 240.000.000 đồng do anh Q trích chia cho chị.

- Người bảo vệ quyền lợi cho chị Th trình bày:

+ Về thay đổi nuôi con: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Th.

+ Về tài sản: Giao cho anh Q được quản lý, sử dụng, sở hữu nhà, đất ở, đất vườn, đất canh tác nhưng anh Q có trách nhiệm trích trả cho chị Th số tiền

240.000.000 đồng (xác nhận anh Q đã chuyển qua tài khoản đứng tên chị Th mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang).

+ Việc chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa anh Q và ông T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không giải quyết. Sau này anh Q và ông T muốn hợp pháp thì phải làm thủ tục chuyển nhượng theo pháp luật.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập đòi số tiền 80 triệu đồng cũng như chia công sức đóng góp của bà Nguyễn Thị Ng đối với anh Q, chị Th.

+ Chi phí tố tụng:

Về tiền giám định tài liệu: chị Th tự nguyện chịu 3.240.000 đồng.

Về chi phí thẩm định, định giá: Mỗi đương sự chịu ½ chi phí tố tụng theo pháp luật.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Người bảo vệ quyền lợi cho anh Q trình bày:

+ Về thay đổi nuôi con: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Th.

+ Về tài sản: Giao cho anh Qđược quản lý, sử dụng, sở hữu nhà, đất ở, đất vườn, đất canh tác nhưng anh Q có trách nhiệm trích trả cho chị Th số tiền 240.000.000 đồng (xác nhận anh Qđã chuyển qua tài khoản đứng tên chị Th mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang).

+ Việc chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa anh Q và ông T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không giải quyết. Sau này anh Q và ông Tmuốn hợp pháp thì phải làm thủ tục chuyển nhượng theo pháp luật.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập đòi số tiền 80 triệu đồng cũng như chia công sức đóng góp của bà Nguyễn Thị Ng đối với anh Q, chị Th.

+ Chi phí tố tụng:

Về tiền giám định tài liệu: chị Th tự nguyện chịu 3.240.000 đồng.

Về chi phí thẩm định, định giá: Mỗi đương sự chịu ½ chi phí tố tụng theo pháp luật.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về thay đổi nuôi con:Căn cứ khoản 2, Điều 244- Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Th.

+ Về tài sản: Căn cứ Điều 33; Điều 37; Điều 59; Điều 60; Điều 61; Điều 62; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207; Điều 209; Điều 210; Điều 213; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 220; Điều 357; Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015: Giao cho anh Qđược quản lý, sử dụng, sở hữu nhà, đất ở, đất vườn, đất canh tác theo GCNQSDĐ đã cấp nhưng anh Q có trách nhiệm trích trả cho chị Th số tiền 240.000.000 đồng (xác nhận anh Qđã chuyển qua tài khoản đứng tên chị Th mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang).

+ Việc chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa anh Q và ông T không yêu cầu nên không giải quyết. Sau này anh Q và ông Tmuốn hợp pháp phải làm thủ tục chuyển nhượng theo pháp luật.

+ Căn cứ khoản 2, Điều 244- BLTTDS, đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu độc lập đòi số tiền 80 triệu đồng cũng như chia công sức đóng góp của bà Nguyễn Thị Ng đối với anh Q, chị Th.

+ Chi phí tố tụng:

Về tiền giám định tài liệu: căn cứ Điều 153; khoản 1, Điều 154-BLTTDS,đề nghị HĐXXchấp nhận việc chấp nhận việc chị Th tự nguyện chịu 3.240.000 đồng.

Về chi phí thẩm định, định giá: căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166-BLTTDS,buộc mỗi đương sự phải chịu ½ chi phí tố tụng, chị Th đã nộp cả 5.487.000 đồng nên buộc anh Q trả chị Thsố tiền 2.743.500 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147; điểm c, khoản 1, Điều 217; khoản 3, Điều 218 của BLTTDS; điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Th không phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi nuôi con; chị Th phải chịu 12.000.000 đ án phí chia tài sản chung; Hoàn trả chị Th 7.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục THADS tỉnh Bắc Giang; anh Q phải chịu 17.724.700 đồng án phí chia tài sản; bà Ng không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Ng là người cao tuổi nên không phải nộp tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Th, anh Q đã ly hôn năm 2016. Nay chị Th có đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với anh Q. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ng có yêu cầu độc lập về việc đòi tiền cho vay và trích chia công sức đóng góp đối với anh Q, chị Th. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "tranh chấp về nuôi con, chia tài sản saukhi ly hôn, yêu cầu trích chia công sức đóng góp" theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3, Điều 26-BLTTDS;

[1.2]. Về thẩm quyền: do có đương sự chị Phạm Thị Th, chị Trương Thị O ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên chị Trương Thị O , HĐXX thấy:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chị Trương Thị O đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có bản tự khai, đơn xin xét xử vắng thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về Tòa án (có điểm chỉ dấu vân tay). Do văn bản, tài liệu của chị Trương Thị O gửi về không có xác nhận của cơ quan ngoại giao tại nước ngoài nên chị Phạm Thị Th có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định dấu vân tay của chị Trương Thị O trên văn bản, tài liệu gửi về Tòa án. Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu dấu vân tay của chị Trương Thị O khi làm chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh Bắc Giang để làm mẫu so sánh phục vụ công tác giám định.

[2.2]. Sau khi thu thập tài liệu, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 13/2020/QĐ-TCGĐ ngày 30/10/2020. Tại kết luận giám định số 1678/KLGĐ-KTHS ngày 18/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện:

- Dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón trỏ tay phải" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người.

- Dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón trỏ tay trái" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay in ở ô "ngón trỏ trái" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của chịTrương Thị O gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng nội dung của các văn bản tài liệu do chịTrương Thị O gửi về Tòa án phù hợp với các tài liệu Tòa án thu thập được, cung cấp của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của chịTrương Thị O. HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 93, Điều 94, Điều 95- Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chịTrương Thị O gửi về là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự chị Th, bà Ng, chị H, chị O, cháu H, ông T, UBND xã XP, UBND huyện YD vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự này đã có quan điểm gửi Tòa án. Việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th:

[4.1].Về thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn: Do chị Th tự nguyện rút yêu cầu nên căn cứ khoản 2, Điều 244-BLTTDS, HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu này.

[4.2].Về chia tài sản chung:

- Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, cung cấp tài liệu chứng cứ của UBND có thẩm quyền, xác định trong thời kỳ hôn nhân tồn tại chị Phạm Thị Th, anh Trương Quang Q có các tài sản chung gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 469m2 (trong đó có 360m2 đất ở, 109m2 đất trồng cây lâu năm) nay thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 9, tại Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Thửa đất đã được UBND huyện YD cấp GCNQSDĐ số 01681/QSDĐ-444/QĐ-CT ngày 28/11/2000, có tổng trị giá 185.995.000 đồng. Quyền sử dụng đất nông nghiệp đã dồn điền đổi thửa có tổng diện tích 1.455m2 giá trị 80.025.000 đồng. Tài sản trên đất gồm ngôi nhà 2 tầng kiên cố trị giá 318.085.000 đồng, tường hoa trị giá 648.000 đồng, sân gạch trị giá 2.604.000 đồng, trụ cổng trị giá 1.426.000 đồng, cổng sắt trị giá 506.000 đồng, sân bê tông trị giá 1.550.400 đồng, tường bao trị giá 6.162.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 594.494.000 đồng. Quá trình giải quyết ly hôn tại TAND huyện Yên Dũng chị Th, anh Q có thỏa thuận chị Th không lấy tài sản nào mà để lại phần sở hữu của chị cho hai con. Mặc dù văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng không có chữ ký của người được nhận tài sản và thực tế anh Q, chị Th cũng chưa làm thủ tục giao tài sản cho các con theo

quy định của pháp luật. Do vậy việc cho các con tài sản là chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, chưa làm phát sinh quyền lợi về tài sản của chị O, cháu H. Nay anh Q đang quản lý tài sản chung, chị Th có yêu cầu phân chia tài sản nên cần chấp nhận xem xét theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Th đồng ý giao toàn bộ tài sản cho anh Trương Quang Q được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và nhận số tiền 240 triệu đồng do anh Q trích chia tài sản. Chị Trương Thị O , cháu Trương Thị Ngọc H (do anh Trương Quang Q đại diện) không có yêu cầu gì về tài sản của bố mẹ nên việc thỏa thuận chia tài sản trên là có căn cứ, không ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu H, chị O. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hộinên cần chấp nhận. Tuy nhiên do chị Th không có mặt tại phiên tòa nên HĐXX không tiến hành thủ tục công nhận sự thỏa thuận về tài sản của các đương sự tại phiên tòa được. Ngày 22/01/2021 anhTrương Quang Q đã thực hiện việc thanh toán số tiền 240 triệu đồng cho chị Phạm Thị Th theo tài khoản do chị Th cung cấp dưới sự chứng kiến của người bảo vệ quyền lợi cho chị Th là luật sư Đồng Duy Ch. Vì vậy HĐXX xác nhận anh Trương Quang Q đã chuyển số tiền cho chị Phạm Thị Th qua tài khoản số 43110000 925*** mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang.

[5]. Về việc chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa anh Trương Quang Q và ông Giáp Văn T chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật nhưng không có yêu cầu nên HĐXX không giải quyết. Diện tích đất nông nghiệp vẫn xác định là tài sản của anh Q, chị Th và giao cho anh Q quản lý sử dụng. Sau này anh Q và ông Tmuốn hợp pháp thì phải làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Đối với diện tích đất công ích không nằm trong GCNQSDĐ đã cấp nhưng theo bản đồ địa chính nằm trong thửa đất anh Trương Quang Q đang quản lý thì xác định không phải tài sản chung của anh Q, chị Th mà thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã XP, UBND huyện YD. Quan điểm giải quyết về diện tích đất tăng giảm của UBND các cấp là có căn cứ, phù hợp hiện trạng, quá trình sử dụng của đương sự nên cần chấp nhận.Trường hợp anh Q muốn được quyền sử dụng diện tích đất này thì phải làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, nộp nghĩa vụ tài chính (nếu thuộc trường hợp phải nộp) và phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

[7].Về yêu cầu độc lập đòi số tiền 80 triệu đồng và trích chia công sức của bà Nguyễn Thị Ng do bà Ng tự nguyện rút yêu cầu nên HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 244-BLTTDS đình chỉ xét xử yêu cầu này.

[8].Về chi phí tố tụng:

[8.1]. Về tiền chi phí giám định tài liệu: căn cứ Điều 153; khoản 1, Điều 154-BLTTDS,HĐXX chấp nhận việc chị Th tự nguyện chịu 3.240.000 đồng.

[8.2]. Về chi phí thẩm định, định giá: căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166-Bộ luật Tố tụng dân sự,mỗi đương sự phải chịu ½ chi phí, do chị Th đã nộp cả 5.487.000 đồng nên cần buộc anh Q trả chị Th 2.743.500 đồng.

[8.3]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147; điểm c, khoản 1, Điều 217; khoản 3, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, giải quyết:

- Chị Phạm Thị Th không phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Chị Phạm Thị Th phải chịu 12.000.000 đồng án phí chia tài sản chung.

- Chị Phạm Thị Th được trừ số tiền tạm ứng án phí 19.650.000 đồng đã nộp tại Cục THADS tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị Th số tiền 7.650.000 đồng.

- Anh Trương Quang Q phải chịu 17.724.700 đồng án phí chia tài sản chung.

- Bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33; Điều 37; Điều 59; Điều 60; Điều 61; Điều 62; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207; Điều 209; Điều 210; Điều 213; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 220; Điều 357; Điều 468-Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3, Điều 26; khoản 1, khoản 3, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 85; khoản 4, Điều 147; Điều 153; khoản 1, Điều 154; Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 2, Điều 244; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Đình chỉ xét xử yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Phạm Thị Th.

2.Về yêu cầu chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th. Xác định trong thời kỳ hôn nhân tồn tại chị Phạm Thị Th, anh Trương Quang Q có các tài sản chung chưa chia gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 469m2 (trong đó có 360m2 đất ở, 109m2 đất trồng cây lâu năm) nay thuộc thửa số 110, tờ

bản đồ số 9, tại Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Thửa đất đã được UBND huyện YD cấp GCNQSDĐ số 01681/QSDĐ-444/QĐ-CT ngày 28/11/2000, có tổng trị giá 185.995.000 đồng. Quyền sử dụng đất nông nghiệp đã dồn điền đổi thửa có tổng diện tích 1.455m2 giá trị 80.025.000 đồng. Tài sản trên đất gồm ngôi nhà 2 tầng kiên cố trị giá 318.085.000 đồng, tường hoa trị giá 648.000 đồng, sân gạch trị giá 2.604.000 đồng, trụ cổng trị giá 1.426.000 đồng, cổng sắt trị giá 506.000đồng, sân bê tông trị giá 1.550.400 đồng, tường bao trị giá 6.162.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 594.494.000 đồng.

3. Về phân chia tài sản chung: Giao cho anh Trương Quang Q được quyền quản lý sử dụng đất gồm:diện tích đất 469m2 (trong đó có 360m2 đất ở, 109m2 đất trồng cây lâu năm) nay thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 9, tại Thôn XT, xã XP, huyện YD, tỉnh BG. Thửa đất đã được UBND huyện YD cấp GCNQSDĐ số 01681/QSDĐ-444/QĐ-CT ngày 28/11/2020 có tổng trị giá 185.995.000 đồng; Đất nông nghiệp đã dồn điền đổi thửa có tổng diện tích 1.455m2 giá trị 80.025.000 đồng. Anh Trương Quang Q được sở hữu các tài sảntrên đất gồm ngôi nhà 2 tầng kiên cố trị giá 318.085.000 đồng, tường hoa trị giá 648.000 đồng, sân gạch trị giá 2.604.000 đồng, trụ cổng trị giá 1.426.000 đồng, cổng sắt trị giá 506.000đồng, sân bê tông trị giá 1.550.400 đồng, tường bao trị giá 6.162.000 đồng. Tổng giá trịtài sản là 594.494.000 đồng nhưng anh Q có nghĩa vụ trích chia cho chị Th số tiền 240 triệu đồng. Xác nhận anh Q đã chuyển số tiền 240 triệu đồng cho chị Phạm Thị Th qua tài khoản số 43110000 925*** đăng ký tại Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang.

4. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa anh Trương Quang Q và ông Giáp Văn T do không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết. Sau này anh Trương Quang Q và ông Giáp Văn T muốn hợp pháp phải làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ng đối với anh Trương Quang Q, chị Phạm Thị Th về việc đòi số tiền 80 triệu đồng cho vay và trích chia công sức đóng góp.

6. Về việc đính chính, chỉnh lý, điều chỉnh biến động, thu hồi, hủy bỏ, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Các đương sự, cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai căn cứ bản án có hiệu lực pháp luật để xử lý theo quy định của pháp luật đất đai.

7. Về chi phí tố tụng:

-Về tiền giám định tài liệu: chị Phạm Thị Th chịu cả số tiền 3.240.000 đồng. Xác nhận chị Phạm Thị Th đã nộp và chi phí hết số tiền 3.240.000 đồng.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc anh Trương Quang Q trả chị Phạm Thị Th số tiền 2.743.500 đồng.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Phạm Thị Th không phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; chị Phạm Thị Th phải chịu 12.000.000 đồng án phí chia tài sản chung; chị Phạm Thị Th được trừ số tiền tạm ứng án phí 19.650.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000132 ngày 28/12/2018 của Cục THADS tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị Phạm Thị Th số tiền 7.650.000 đồng.

+ AnhTrương Quang Q phải chịu 17.724.700 đồng án phí chia tài sản.

+ Bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về lãi suất trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản:Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Đương sự cư trú tại Việt Nam có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng